

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH LỚP TIẾNG HÀN HỆ CHÍNH QUY HỌC KÌ MÙA THU, ĐÔNG NĂM 2026



**Mọi thắc mắc về khóa học tiếng Hàn xin liên hệ Viện giáo dục tiếng Hàn
Đại học quốc gia Chonnam**

- ✓ Quản sinh Việt Nam -Số điện thoại: +82-62-530-3641 E-mail : lousalome@jnu.ac.kr
- ✓ Quản sinh học sinh Trung Quốc, Nhật Bản, Mông Cổ -Số điện thoại: +82-62)530-3649 E-mail : a5178@jnu.ac.kr
- ✓ Các quốc gia khác -Số điện thoại: +82-62-530-3643 E-mail : nadiasue@jnu.ac.kr
- ✓ FAX : 062-530-3629 ✓ Trang chủ : <http://leckor.jnu.ac.kr>
- ✓ Địa chỉ : (Mã zip: 61186) phòng 213, G&R Hub, 77 Yongbong-ro, Buk-gu,
Jeonnam-Gwangju, 61186, KOREA



VIỆN GIÁO DỤC NGÔN NGỮ ĐẠI HỌC QUỐC GIA CHONNAM

MỤC LỤC

1. Lịch tổ chức lớp
2. Lịch tuyển sinh
3. Đối tượng tuyển sinh
4. Tài liệu chuẩn bị
5. Học phí
6. Yếu tố xét tuyển
7. Quy trình đăng ký
8. Lưu ý dành cho ứng viên

Đính kèm mẫu đơn xin nhập
học (1~4)

01 / Lịch tổ chức lớp

Học kì		Thời gian đào tạo
2026	Học kỳ Thu	2026. 09. 01. ~ 2026. 11. 13.
	Học kỳ Đông	2026. 11. 25. ~ 2027. 02. 04.
2027	Học kỳ Xuân	2027. 03. 04. ~ 2027. 05. 14.
	Học kỳ Hè	2027. 05. 31. ~ 2027. 08. 06.

※ Lịch tổ chức lớp có thể thay đổi, lịch thay đổi (nếu có) sẽ được thông báo trên website của Viện Giáo dục Ngôn ngữ.
(Link website : <http://leckor.jnu.ac.kr>)

02 / Lịch tuyển sinh

Phân loại		Năm 2026	
		Học kỳ Thu	Học kỳ Đông
Thời gian nhận hồ sơ	Người đăng ký visa D4	2026.06.01.(Thứ 2) ~ 2026.06.26.(Thứ 6)	2026.08.18.(Thứ 3) ~ 2026.09.11.(Thứ 6)
	Người đã có visa (Không áp dụng với visa D4)	~ 2026.08.14.(Thứ 6)	~ 2026.11.13.(Thứ 6)
Thông báo kết quả trúng tuyển	Người đăng ký visa D4	2026.07.08.(Thứ 4)	2026.09.23.(Thứ 4)
Đăng ký cho ứng viên trúng tuyển		Hướng dẫn riêng cho các ứng viên trúng tuyển	
Gửi thư mời nhập học		Sau khi đóng học phí sẽ có hướng dẫn riêng	
Khai giảng		2026.09.01.(Thứ 3)	2026.11.25.(Thứ 4)

※ Hồ sơ được tiếp nhận online thông qua website của Khóa học tiếng Hàn Viện Đào tạo Ngôn ngữ

※ Lịch tổ chức lớp có thể thay đổi, lịch thay đổi (nếu có) sẽ được thông báo trên website của Viện Giáo dục Ngôn ngữ.
(Link website: <http://leckor.jnu.ac.kr>)

03 / Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh ngoại quốc hoặc học sinh Hàn Quốc sống ở nước ngoài
- Học sinh đã tốt nghiệp THPT trở lên (dự kiến tốt nghiệp) hoặc có trình độ học vấn tương đương

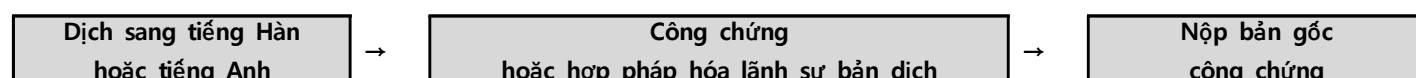
04 / Tài liệu chuẩn bị * Các tài liệu phải được sắp xếp và nộp theo đúng thứ tự phía dưới

STT	Tài liệu cần chuẩn bị	Chú thích
1	Đơn xin nhập học	* Điền online trên trang web của Viện Giáo dục Ngôn ngữ, không cần gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp * Bao gồm bản Giới thiệu bản thân, Kế hoạch học tập, Giấy Đồng ý cho việc sử dụng và cung cấp thông tin cá nhân, Danh sách kiểm tra tài liệu
2	Bản sao hộ chiếu	* Hộ chiếu phải còn thời hạn hiệu lực (Những hộ chiếu có ngày hết hạn trước ngày nhập học cũng không thể sử dụng)
3	Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng (Đứng tên học sinh hoặc bố mẹ học sinh)	* Giấy Xác nhận số dư tài khoản ngân hàng từ 8,000,000won trở lên đứng tên người nộp đơn (tài khoản đóng bằng trên 6 tháng) - Nếu giấy Xác nhận số dư tài khoản ngân hàng đứng tên bố mẹ, cần phải nộp thêm giấy xác minh quan hệ gia đình - Đối với học sinh quốc tịch Việt Nam, phải nộp giấy chứng nhận số dư(tiền gửi quỹ chi phí du học theo hình thức phong tỏa) do Ngân hàng Hàn Quốc đặt tại Việt Nam cấp * Chỉ công nhận giấy xác nhận số dư được cấp trong vòng 20 ngày tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ. Nếu trên giấy xác nhận số dư có ghi rõ ngày hết hiệu lực thì sẽ công nhận đến ngày hết hiệu lực.(Trong trường hợp này cũng chỉ công nhận tối đa 6 tháng tính từ ngày cấp giấy) * Ảnh chụp màn hình hoặc bảng sao kê giao dịch đơn thuần sẽ không được chấp nhận. Trong trường hợp khó xác minh tính xác thực của hồ sơ đã nộp, trường đại học có thể yêu cầu nộp lại giấy tờ có đóng dấu mộc trực tiếp của ngân hàng.
4	Giấy chứng nhận trình độ học vấn gần nhất	* Bản gốc công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp có tem và dấu hợp pháp hóa lãnh sự Việt Nam và Hàn Quốc) - Hồ sơ đã nộp sẽ không được trả lại, vì vậy trong trường hợp văn bằng, bằng tốt nghiệp không thể cấp phát lại nên được nộp bằng bản photo có dấu chứng nhận hợp pháp hóa, dấu xác nhận của lãnh sự quán - Chỉ những tài liệu được công chứng trong vòng 5 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ mới được chấp nhận
5	Bảng điểm học tập gần nhất	* Về nguyên tắc, nộp bản gốc kèm bản dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh
6	Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình và bản photo chứng minh thư của học sinh và bố mẹ	* Bản gốc công chứng giấy chứng nhận quan hệ gia đình có nêu rõ mối quan hệ, quốc tịch của người nộp đơn và bố mẹ. - Giấy chứng nhận quan hệ gia đình phải bao gồm nội dung khai sinh * Tham khảo 'Tài liệu chứng minh quan hệ gia đình' ở mục 'Tham khảo' bên dưới
7	Giấy chứng nhận nghề nghiệp và giấy chứng nhận thu nhập của bố mẹ	* Bản gốc giấy chứng nhận nghề nghiệp và giấy chứng nhận thu nhập, bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - Số điện thoại và địa chỉ công ty phải được ghi trên giấy chứng nhận nghề nghiệp và giấy chứng nhận thu nhập * Trường hợp người làm việc trong ngành nông nghiệp, thủy sản, nộp giấy chứng nhận từ cơ quan địa phương cư trú
8	Ảnh thẻ, 2 tấm	* Kích thước ảnh: 3.5 * 4.5cm, ảnh chụp trong vòng 6 tháng gần đây và không chỉnh sửa * Ảnh nền trắng, nhìn rõ lông mày và tai * Theo quy định về chụp hình làm thẻ người nước ngoài tại Hàn Quốc
-	Giấy tờ chứng minh việc đi học, việc làm, kinh nghiệm làm việc	* Áp dụng đối với các học sinh tốt nghiệp cách đây trên 1 năm - Phải nộp bản gốc giấy tờ có thể chứng minh về khoảng thời gian trống (sau khi tốt nghiệp) * Thông tin liên lạc và địa chỉ của cơ quan chứng nhận phải được ghi rõ
-	Bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài	* Áp dụng cho người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc

※ **Ứng viên sau khi hoàn tất đăng ký trực tuyến trên trang web Viện Giáo dục ngôn ngữ phải nộp các giấy tờ cần thiết qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp trong thời gian tiếp nhận hồ sơ.**

※ Tùy theo trường hợp có xin visa hay không mà tài liệu cần nộp sẽ khác nhau, vì thế người đã có visa (không xin visa D4) nên tư vấn với giáo viên phụ trách để nắm rõ các tài liệu cần nộp.

※ Trường hợp không thể cấp phát lại bản gốc hoặc tài liệu được in dưới dạng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Hàn và tiếng Anh:



✓ (Tham khảo) Tài liệu xác minh trình độ học vấn cao nhất

Quốc gia	Phân loại	Tài liệu bổ sung
Các quốc gia khác	Học sinh từ quốc gia thành viên cấp chứng nhận "Apostille" (Có thể xác nhận lãnh sự)	- Tài liệu cần nộp: Bản gốc xác nhận lãnh sự Bằng tốt nghiệp (giấy xác nhận học vị) - Cơ quan cấp: Cơ quan được chính phủ chỉ định (Bộ Ngoại giao đối với trường hợp của Hàn Quốc) * Thông tin về các tổ chức liên quan đến Apostille theo quốc gia: Tham khảo: https://www.hcch.net/en/instruments/specialised-sections/apostille
	Học sinh từ nước chưa là thành viên cấp chứng nhận Apostille	- Tài liệu cần nộp: Tài liệu xác nhận học lực được chứng nhận lãnh sự quán bản gốc - Cơ quan cấp: Lãnh sự quán Hàn Quốc tại quốc gia sở tại, đại sứ quán Hàn Quốc hoặc cơ quan công vụ nước sở tại đặt tại Hàn Quốc

✓ (Tham khảo) Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình

Trong giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình, tên tiếng Anh của bản thân và bố mẹ, quốc tịch, mối quan hệ với người nộp đơn phải được ghi rõ. Dù không nằm trong các quốc gia trong danh sách ví dụ, học sinh phải nộp giấy chứng nhận do chính phủ quốc gia đó cấp nêu rõ mối quan hệ của bản thân và bố mẹ, quốc tịch.

Việt Nam: Sổ hộ khẩu hoặc Giấy khai sinh / Trung Quốc: Đăng ký hộ khẩu / Philippines: Điều tra dân số gia đình / Indonesia: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (KARTU KELUARGA) / Bangladesh: Jumma Kakaz hoặc Jumma Side Ticket / Mông Cổ: Giấy chứng nhận quan hệ họ hàng / Pakistan: Giấy chứng nhận gia đình / Sri Lanka: Giấy chứng nhận Pauler / Myanmar: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (Yingtaung Susayen) / Nepal: Jeonmadalda / Kyrgyzstan, Kazakhstan, Uzbekistan, Ukraine, Thái Lan: Giấy khai sinh

05 / Học phí

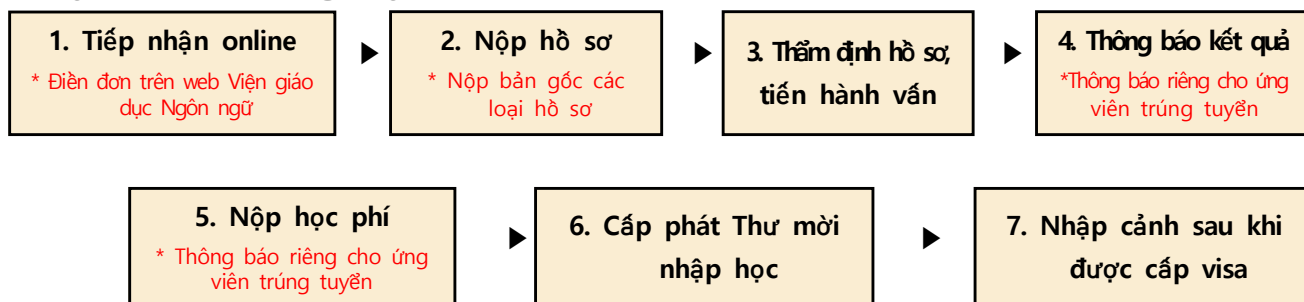
Phân loại	Phí đăng ký	Học phí	Phí bảo hiểm	Phí đưa đón sân bay	Ký túc xá
Số tiền	50,000won	1,400,000won (1 học kỳ) 2,800,000won (2 học kỳ) 5,600,000won (4 học kỳ) -	Khoảng 70,000won (7 tháng)	50,000won	Khoảng 940,000won (6 tháng, phòng căn hộ, 6 người 1 phòng)
Ghi chú	Không hoàn lại, được nộp cùng với học phí sau khi có kết quả trúng tuyển cuối cùng(không cần nộp trước).		Bảo hiểm công ty tư nhân đối với visa D-4, sau 6 tháng gia nhập bảo hiểm quốc dân bắt buộc	Thông báo riêng theo lịch trình	Phí ăn uống riêng biệt (Tiền ăn: 350,000won-1 bữa/ ngày, 5 ngày/tuần ~ 1,000,000won- 3 bữa/ ngày, 7 ngày/tuần, tính theo tiêu chuẩn 4 tháng)
Tài khoản thanh toán	* Tên ngân hàng: 광주은행(KWANGJU BANK), 전남대학교지점 * Số tài khoản: 074-107-563921 * Người nhận: 전남대학교 언어교육원(CHONNAM NATIONAL UNIVERSITY)				Sau khi nhập cảnh, sinh viên trực tiếp thanh toán vào tài khoản do ký túc xá cung cấp

06 / Yếu tố xét tuyển

Lần 1	Thăm định hồ sơ	Đánh giá "P" và "F"
Lần 2	Tiến hành phỏng vấn	Đánh giá "P" và "F"

- Vòng thăm định hồ sơ : Sàng lọc hồ sơ thiếu sót, kiểm tra tính xác thực của hồ sơ
- Vòng phỏng vấn: Buổi phỏng vấn sẽ đánh giá toàn diện mục đích đào tạo, thái độ học tập và trình độ chuyên môn, cũng như khả năng tài chính.
- Được tiến hành qua cuộc gọi thoại, khi cần thiết có thể tiến hành cuộc gọi với phụ huynh

07 / Quy trình đăng ký



08 / Ứng viên nộp đơn cần lưu ý

- Chỉ khi hoàn tất cả đăng ký trực tuyến và nộp bản gốc hồ sơ thì hồ sơ mới được công nhận là đã nộp hợp lệ. Sau khi hoàn tất đăng ký trực tuyến trên trang web khóa học tiếng Hàn, các ứng viên **phải nộp hồ sơ gốc trong thời gian nhận hồ sơ thông qua qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp**. Không xử lý đối với trường hợp hồ sơ không phải bản gốc (bản photo hay scan) hoặc gửi hồ sơ qua email. Các hồ sơ đến sau hạn chót nộp đơn cũng sẽ không được xử lý. Người nộp đơn phải chịu trách nhiệm với bất kì tai nạn nào phát sinh trong quá trình vận chuyển tài liệu..
 - Địa chỉ: 전남광주 북구 용봉로 77 G&R Hub 213호 전남대학교 언어교육원 한국어실 한국어정규강좌 입학담당자 앞 (우편번호: 61186)
- Đối với đối tượng visa D-4-1, **phải đăng ký 2 học kỳ (6tháng)** trở lên. **Các quốc gia phải đăng ký 4 học kỳ (1 năm)**
 - Các nước châu Phi, Bangladesh, Mông Cổ, **Việt Nam**, Myanmar, Nepal, Thái Lan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, Uzbekistan, Philippines, Campuchia, Sri Lanka, Syria, Iran, Turkmenistan, Pakistan, Afghanistan, Ấn Độ, Iraq, Yemen, Indonesia, Ukraine, Ai Cập, Peru.
- Hủy bỏ đăng ký đối với trường hợp không có visa kể từ ngày đăng ký cho đến ngày khai giảng, hoặc trường hợp sau ngày khai giảng 14 ngày nhưng không thể nhập cảnh Hàn Quốc.**
- Người nộp đơn chịu trách nhiệm trực tiếp với mọi bất lợi (ví dụ hủy tư cách trúng tuyển...) do thiếu tài liệu cần thiết, thiếu sót hoặc nhầm lẫn trong mẫu đơn, không tuân thủ các yêu cầu của hướng dẫn đăng ký, địa chỉ không rõ ràng, thông tin liên lạc không chính xác, không tuân thủ thủ tục nhập cảnh....
- Trong quá trình sàng lọc, nếu cần thiết, có thể yêu cầu bổ sung các hồ sơ khác. Trường hợp không nộp bổ sung các hồ sơ yêu cầu, hoặc nộp không đầy đủ các hồ sơ bổ sung có thể bị loại khỏi quá trình sàng lọc.**
- Đối với các trường hợp không thể cấp phát lại giấy tờ bản gốc (giấy tốt nghiệp, giấy khai sinh, chứng nhận quan hệ gia đình...), nên nộp giấy tờ bản gốc công chứng của giấy chứng nhận hoặc bản có xác nhận của lãnh sự quán.**
- Trong quá trình tuyển chọn, **người nộp đơn phải thường xuyên kiểm tra email và làm theo tất cả các hướng dẫn trong mail. Mọi bất lợi do không kiểm tra email, người nộp đơn phải chịu trách nhiệm.**
- Nếu phát hiện việc các hành vi bất chính như giả mạo tài liệu, nhờ người phỏng vấn hộ... việc trúng tuyển, nhập học sẽ bị hủy bỏ..
- Lệ phí ứng tuyển và các tài liệu đã nộp sẽ không được trả lại. Khi ứng tuyển, nhà trường sẽ mặc định rằng ứng viên đồng ý với việc không hoàn trả lại các tài liệu đã nộp.**
- Ngay cả khi quá trình nhập học kết thúc, học sinh có thể được yêu cầu nộp thêm các tài liệu bổ sung để cấp hoặc thay đổi visa.
- Ngay cả khi đã được nhà trường chấp nhận nhập học, nếu không được phép nhập cảnh vì phát sinh lý do bị loại do tư cách nộp đơn, bị từ chối cấp thị thực... việc nhập học sẽ bị hủy bỏ.
- Về nguyên tắc, lý do bị loại sẽ không được công bố.
- Bản hướng dẫn này được viết bằng tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt, nội dung bản dịch nếu có sự khác biệt thì sẽ tuân theo nội dung trong bản tiếng Hàn.

전남대학교 한국어 정규강좌 지원서

Application for Korean Language Program, Chonnam National University

				지원자 번호 Applicant's No.				
인적사항 Personal Information								
성명 Name	(한글 Korean)			3.5×4.5cm 흰색바탕의 여권용 사진 (Size: 3.5cm×4.5) (Background: White)				
	(영어 English)							
성별 Gender		출생국가 Birth Country						
생년월일 Date of birth	(YYYY/MM/DD)		국적 Nationality					
여권번호 Passport No.		외국인등록번호 Alien registration No.						
연락처 Contact Info.	주소 Address							
	전화번호 Phone Number							
	이메일 E-mail							
비상연락처 Emergency Contact	주소 Address							
	전화번호 Phone Number							
지원사항 Details of Application								
학기 Semester	☐ 봄 Spring ☐ 여름 Summer ☐ 가을 Fall ☐ 겨울 Winter							
기숙사 신청 Dormitory	☐ 신청 YES ☐ 신청안함 NO							
교육사항 / 출신학교 Education: Academic History starting from High School								
학력 Study record	학교명 Name of school		재학일자 From-To			비고 Notes		
고등학교 High school								
대학교 University								
가족사항 Family Background								
성명 Name	관계 Relations	생년월일 Date of Birth	직업 및 직장 Job and workplace			연락처 Mobile phone		
			직장명 Name of workplace	재직기간 Period of career	직위 Position			
		(YYYY/MM/DD)						
		(YYYY/MM/DD)						
기타 Additional Information								
지원 경로 Application Route		☐ 유학원 Agency ☐ 인터넷 Internet ☐ 친구소개 Acquaintance/friends ☐ 기타 etc.						
한국어 학습시간 Korean study time		☐ 약 Approx. () 시간 hours						
향후 계획 Future plans		☐ 학부/대학원 진학 Admission to Univ. ☐ 귀국 Return to Home country ☐ 기타 etc.						

상기 입학원서 및 제출하는 서류의 모든 내용은 사실이며, 추후 본 서류에서 허위 또는 잘못 기재된 사실이 있을 경우에는 귀교의 결정에 따를 것을 서약합니다.

I affirm that the information I have provided on this application, including personal statements and any other information, is complete and accurate and is my own work. I understand that submission of incomplete or inaccurate information is sufficient cause for revocation of admission or enrollment.

날짜 Date: (YYYY/MM/DD)

지원자 성명 Name of applicant:

(서명 Signature)

전남대학교 언어교육원장 귀하

자기소개서 및 수학계획서 Self-introduction & Study Plan

성장과정, 수상경력, 관심분야, 지원동기, 입학 후 학습계획, 장래희망 등을 종합적으로 기록

Include how you have developed and matured as a person and student while listing your motives for applying, study plans while at CNU, and plans upon graduation. You may also list any awards, scholarships, or prizes you have received.

상기 내용은 사실이며, 지원자 본인이 작성하였음을 확인합니다.

I hereby certify that the information provided above is true and correct to the best of my knowledge and has been written by me.

날짜 Date: (YYYY/MM/DD)

지원자 성명 Name of applicant:

(서명 Signature)

지원자 서류 체크리스트 Checklist for Application Documents

지원자명 Applicant's name	
-----------------------	--

서류 확인 후 Yes 또는 No 에 체크하여 주시기 바랍니다. Please mark (✓) in the appropriate box.

제출서류 Application Documents		제출여부 Submission status	
		Yes 네	No 아니요
1	1-1. 지원서 1부 Application Form 1-2. 자기소개서 및 수학계획서 Self-introduction & Study Plan 1-3. 지원자 서류 체크리스트 Check List for Application Documents 1-4 개인정보 이용 및 제공 사전 동의서 Consent Form for Personal Information Collection and Use		
2	여권 사본 1부 A Copy of passport		
3	재정능력입증서류 원본 1부 Certificate of bank deposit balance * 본인 또는 부모님 명의의 8,000,000원 이상 은행잔고증명서 원본 Original copy of bank statement showing over KRW 8,000,000 under the name of the applicant or applicant's parents		
4	최종학력증명서 또는 재학증명서 원본 1부 A copy of graduation certificate from highest education level * 반드시 아포스티유 혹은 재외공관 영사 확인을 받은 입증서류 제출 Must be apostilled or notarized by a consulate abroad		
5	최종학력 성적 증명서 1부 Transcripts from highest education level		
6	가족관계 입증서류 사본 1부 Proof of family relations		
7	자국 신분증(본인 및 부모님) 사본 1부 Copies of the applicant and parents' identification in your country		
8	부모님의 재직증명서 및 수입증명서 원본 및 사업자등록증 사본 1부 Parents' employment certificate and income certificate or business registration certificate * 현지 회사 주소 및 연락 가능한 전화번호 반드시 기입 Make sure to fill in the local company's phone number and address		
9	흰색 바탕의 사진 2장 (3.5*4.5cm) 2 Photo (3.5*4.5cm in size, white background) * 귀와 눈썹이 명확히 드러나야 함. Ears and eyebrows should be clearly visible		
10	(최종학력 졸업 후 1년 이상 경과자의 경우) 공백 기간의 재학, 재직, 경력 등 증명서류 (For an applicant with more than a year of post-graduation gap) A certificate of activities during the gap period such as enrollment, employment, or work experience * 증명서상 기관 연락처 및 주소 필히 명시 Make sure to fill in the phone number and/or address of institute where the documents are issued		
한국 내 신청자 추가 제출 서류 Applicants residing in South Korea			
1	(한국 내 신청자의 경우) 외국인등록증 앞, 뒷면 사본 (For an applicant residing in South Korea) A copy of the Alien Registration Card (front and back)		

반드시 위의 체크리스트 순서대로 정렬하여 제출해 주시기 바랍니다.

The application documents must be submitted in the order of the checklist as above.

개인정보 이용 및 제공 사전 동의서 Consent Form for Personal Information Collection and Use

☐ 개인정보 수집 및 이용 목적 Purpose of personal information collection and use

전남대학교 언어교육원은 한국어 정규 강좌 원서 접수 및 입학 전형을 위해 개인정보를 수집 및 이용하고 있고, 이 외의 다른 목적에는 절대 사용되지 않습니다. This will ONLY be used for an application and admission process of the Korean Regular Course at the Language Education Center of Chonnam National University.

☐ 개인정보 수집 및 이용에 대한 동의 Consent on personal information collection and use

1. 개인정보의 종류 Types of personal information

이름, 국적, 성별, 생년월일, 주소, 전화번호, 이메일, 추가 연락처, 출신지역, 학력 정보 등 Full name, nationality, gender, date of birth, address, phone number, e-mail address, additional contact info., region of birth, and academic background etc.

2. 개인정보의 수집 및 이용 목적 Purpose for personal information collection and use

입학 전형(학력 조회, 제출서류 진위여부 등), 사증 관련 업무, 보험 가입, 기타 필요하다고 판단되는 각종 업무

Personal Information will be used for an admission process (check on academic background, authenticity of the document, etc.), visa-related work, insurance registration, and any other necessary work.

3. 개인정보의 보유 및 이용 기간 Possession and utilization period of personal information

개인정보 보유기간의 경과, 처리 목적 달성 등 개인정보가 불필요하게 되었을 때 Until the purpose of its collection and use is fulfilled.

4. 동의를 거부할 권리 및 동의를 거부할 경우의 불이익 Disadvantage in case of refusal

동의하지 않을 경우 입학 지원 불가 If you disagree on personal information collection and use, you may not be able to submit your application

개인정보 수집 및 이용에 동의하십니까? Do you agree on personal information collection and use? ☐ 동의함 Agree

☐ 고유식별정보 수집 및 이용에 대한 동의 Consent on unique identifying information collection and use

1. 고유식별정보의 종류 Types of unique identifying information

외국인등록번호(해당자에 한함), 여권번호 Alien registration number (if applicable), passport number

2. 고유식별정보의 수집 및 이용 목적 Purpose for unique identifying information collection and use

입학 전형(학력 조회, 제출서류 진위여부 등), 사증 관련 업무, 보험 가입, 기타 필요하다고 판단되는 각종 업무

Personal Information will be used for an admission process (check on academic background, authenticity of the document, etc.), visa-related work, insurance registration, and any other necessary work.

3. 고유식별정보의 보유 및 이용 기간 Possession and utilization period of unique identifying information

고유식별정보 보유기간의 경과, 처리 목적 달성 등 개인정보가 불필요하게 되었을 때 Until the purpose of its collection and use is fulfilled.

4. 동의를 거부할 권리 및 동의를 거부할 경우의 불이익 Disadvantage in case of refusal

동의하지 않을 경우 입학 지원서 불가 If you disagree on personal information collection and use, you may not be able to submit your application.

고유식별정보처리에 동의하십니까? Do you agree on unique identifying information collection and use? ☐ 동의함 Agree

☐ 개인정보 제3자 제공에 대한 동의 Consent on providing personal information to third parties

1. 개인정보를 제공받는 자 A third party who receives personal information

법무부 출입국 관리 사무소, 보험회사, 도서관 Immigration office under Ministry of justice, Insurance company, Library

2. 제공하는 개인 정보 종류 Type of released information

성명, 국적, 성별, 생년월일, 여권번호, 주소, 연락처, 학력 등

Full name, nationality, gender, date of birth, passport number, address, phone number, academic background etc.

3. 제공받는 자의 보유 및 이용 기간 Receiver's possession and utilization period

제공받는 자의 이용목적 달성시 Until the receiver's purpose of use is fulfilled

4. 동의를 거부할 권리 및 동의를 거부할 경우의 불이익 Disadvantage in case of refusal

동의하지 않을 경우 입학 지원 불가 If you disagree on personal information collection and use, you may not be able to submit your application

개인정보의 제3자 제공에 동의하십니까? Do you agree on provision of personal information to a third party? ☐ 동의함 Agree

※ 만 19세 미만 미성년자인 경우 반드시 법정대리인의 동의가 필요함 If you are underage, agreement of legal representative required.

본인은 상기 내용을 읽고 명확히 이해하였으며, 이에 동의합니다.

I have read and clearly understood and agree to the above.

날짜 Date : YYYY/MM/DD

지원자 성명 Name of applicant:

(서명 Signature)

법정대리인 성명 Name of legal representative:

(서명 Signature) /관계 relationship with applicant: